

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K -TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25 / 07 /2019

“V/v: tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Bảo và ông Vũ Kim Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh, kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 07 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 64/2019/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 04 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 07 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1990; ĐKKH tại: xóm 5, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hiện đang tạm trú tại: xóm 6, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Dân S, sinh năm 1986; ĐKKH & trú tại: xóm 5, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hiện đang tạm trú tại: Số nhà 109 , đường T, Phường 12, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.(Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Chị Trần Thị L trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết trình bày: Chị và anh Trần Dân S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình ngày 22/01/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bố mẹ anh S; thời gian chung sống vợ chồng sinh được hai

người con nhưng vì bệnh nặng nên các cháu đã mất vào năm 2010 và 2012. Kể từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do việc không có con và khó khăn về kinh tế do việc chữa trị cho các con để lại nên thường xuyên xảy ra cãi vã và dẫn đến xô xát nhiều lần. Vợ chồng không thông cảm với nhau mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nặng nề kéo dài nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ để sống ly thân với anh S từ 2014; trong suốt thời gian ly thân chị và anh S không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không còn khả năng duy trì cuộc sống chung. Vì vậy chị yêu cầu giải quyết được ly hôn anh S để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng ngoài 02 con chung là Trần Minh N và Trần Hồng P đều đã chết vợ chồng không có con chung nào nữa nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Trần Dân S : trong bản tự khai ngày 19/04/2019 cũng xác nhận điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và diễn biến mâu thuẫn như chị L trình bày. Anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn không thể duy trì cuộc sống chung; do anh là người theo đạo thiên chúa không cho phép ly hôn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung và tài sản chung: anh cũng xác nhận vợ chồng có hai con chung là các cháu Trần Minh N và Trần Hồng P, cả hai cháu đều đã chết. Tài sản chung không có nên anh không yêu cầu xem xét giải quyết về hai vấn đề này.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K:

Về tố tụng : Nguyên đơn và bị đơn những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị L và anh Trần Dân S; chị L phải nộp 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn với anh Trần Dân S cư trú tại xóm 5, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 27 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Anh Trần Dân S và chị Trần Thị L được Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật, cả hai bên đương sự đều

có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị L thì thấy rằng : Chị L và anh S kết hôn tự nguyện hợp pháp; sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị L trình bày thì nguyên nhân là vợ chồng có sinh được hai người con nhưng vì bệnh nặng nên các cháu đã mất vào năm 2010 và 2012. Kể từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, xô xát nhiều lần; mâu thuẫn ngày càng nặng nề không giải quyết được nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ để sống ly thân với anh Sinh từ 2014; cuộc sống ly thân kéo dài nhiều năm hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống chung nữa.

Anh S cũng xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn như chị L trình bày. Anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn không thể duy trì cuộc sống chung; do anh là người theo đạo thiên chúa không cho phép ly hôn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật..

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị L và anh S tại UBND xã N thì chính quyền địa phương xác vợ chồng chị L anh S do mâu thuẫn vợ chồng mà nguyên nhân là không có con chung và khó khăn kinh tế trong quá trình chữa trị bệnh tật cho hai con chung trước đây nên hai bên đã ly thân nhiều năm Quá trình giải quyết anh S không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn nhằm duy trì hôn nhân, không tham gia phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, có ý bỏ mặc không quan tâm đến cuộc sống chung

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị L không còn khả năng khắc phục; tình trạng hôn nhân của chị L và anh S hiện nay đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình yêu cầu của chị L ly hôn anh S là có căn cứ được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: hai bên không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Khi ly hôn hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDSS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật HNGĐ; Điều 147, 227, 228 Bộ luật TTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Trần Thị L với anh Trần Dân S.

2/ Chị Trần Thị L phải nộp 300.000^d án phí ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 3011 ngày 11/04/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã L;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Anh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Kim Sơn;
- Chi cục THADS huyện Kim Sơn;
- UBND xã Lai Thành;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Anh